TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 19/03/2019.
V/v *"Tranh chấp ly hôn và con chung".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Cao Phước Nghĩa**

Bà **Phạm Hồng Gái.**

***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Đặng Thanh Sang** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 19 tháng 03 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 380/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05/12/2018 về vụ "*Tranh chấp về ly hôn và con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐ-HPT ngày 22/02/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Thu L**, sinh năm: 1975. Tổ 7, ấp AĐ, xã A H, huyện T B, tỉnh An Giang (Có mặt).

* Bị đơn: Anh **Trần Văn M**, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Tổ 2, ấp Th H, xã B S, huyện H Đ, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Quá trình giải quyết vụ án chị Huỳnh Thị Thu L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự tìm hiểu thương yêu được hai bên gia đình đồng ý nên đi đến hôn, anh chị có tổ chức đám cưới và chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 02 con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau phát sinh mâu thuẫn do anh M không chung thủy, thường xuyên đánh đập chị nên chị đã dẫn 02 con về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Từ năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Huỳnh Thị Mộng C, sinh ngày 15/8/1995 và Huỳnh Thị Ngọc M, sinh ngày 17/11/2011. Hiện nay cháu Cầm đã

trưởng thành, đã có gia đình riêng, không bị nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Còn cháu M đang do chị nuôi dưỡng nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu My.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**** Bị đơn anh Trần văn M:*** Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh M như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh M không đến Tòa án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa: Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thu L thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh M là bị đơn trong vụ án đã được triệu hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Theo chị L trình bày anh chị đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh M không chung thủy, thường xuyên đánh đập chị dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc như mong muốn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh M. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ vào các quy định này Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Thu Lvà anh Trần Văn M là vợ chồng.

- *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung tên Huỳnh Thị Mộng C, sinh ngày 15/8/1995 và Huỳnh Thị Ngọc M, sinh ngày 17/11/2011. Hiện nay cháu C đã trưởng thành, đã có gia đình riêng, không bị nhược điểm gì về thể chất lẫn tinh thần nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Còn cháu M đang do chị nuôi dưỡng nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu My. Xét yêu cầu nuôi 01 con chung tên

My của chị L. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, hiện nay cháu M đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng và tại bản tự khai cháu M có nguyện vọng muốn sống chung với chị và phía anh M cũng không có tranh chấp gì.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị không yêu cầu nên không xét.

- *Về tài sản chung, về nợ chun*g: Chị xác nhận không có nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Thu L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 8; Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị Thu L với anh Trần Văn M.

2. Về con chung: Giao 01 người con chung tên Huỳnh Thị Ngọc M, sinh ngày 17/11/2011 cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Trong thời gian chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M thì phía anh M được quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Thu L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị L đã nộp theo biên lai thu số: 0009167, ngày 19/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (chị L đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hòn Đất;
- UBND xã, thị trấn;
- CCTHADS;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo